

Bản án số: 36/2020/HSST

Ngày 30/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Kim

2. Bà Lê Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TL-HSST ngày 11 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn H, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp : Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1964; có vợ: Trần Thị N, sinh năm 1995, có hai con - Con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2011 bị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”. Hiện đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho Lê Văn H: Bà Nguyễn Thị Quế – Trợ giúp viên Pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hoá (Vắng mặt).

+ Bị hại:

- Ông Lê Xuân Th, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Đình T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Y xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá.

+ Người làm chứng:

- Hồ Tiến M, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá.

- Nguyễn Đăng D, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá.

- Lê Quang H, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 28 tháng 4 năm 2020, Lê Văn H gọi điện cho anh Hồ Tiến M, sinh năm 1985 ở thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá hỏi vay tiền để đi đóng tiền “thăm”. Do không có tiền, nên anh M bảo H xuống chỗ anh M để lấy xe mô tô Mio của vợ anh M đi “cắm” (cầm đồ). H đồng ý và đi thẳng xuống nhà văn hóa xóm Cộng, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn gặp anh M và lấy chiếc xe mô tô Mio của vợ anh M mang đi cầm đồ nhưng không được, nên H gọi điện cho anh M để thông báo về việc không “cắm” được xe mô tô của vợ anh M. Lúc này H nói “Giờ chỉ có chiếc xe mô tô của anh T là cầm được” (anh T là bạn của anh M). Nghe vậy, anh M nói “khó đấy, nhưng anh thử về mượn xem sao”. Sau đó, khoảng 23 giờ cùng ngày, H đi xe Mio về nhà anh M gặp anh Lê Xuân Th sinh năm 1962 ở xã Nghi Tr, huyện Ng, tỉnh Nghệ An và nói với anh Th “Anh cho em mượn chiếc xe của anh đi có chút việc rồi tí em mang trả”. Anh Th đồng ý và giao chìa khóa xe cùng xe mô tô BKS 37N1 – 2528 cho H mượn. Sau đó, H nhờ anh Lê Văn N, sinh năm 1990 ở thôn Ch, xã Đ, huyện Đ đi cùng để tìm chỗ cắm xe. Do xe không có giấy tờ, nên không ai cho cắm, nên H đưa anh N về và đưa xe về nhà mình đi ngủ.

Sáng ngày 29 tháng 4 năm 2020, H điều khiển xe mô tô BKS 37N1-2528 của anh Th đi thẳng lên xã Đông Yên, huyện Đông Sơn và vào nhà anh Lê Quang H, sinh năm 1994, ở thôn Y, xã Đ, huyện Đ để nhờ anh H đưa xe đi “cắm”. Do xe không có giấy tờ, nên anh H không nhận cắm. Sau đó, anh H và H gọi điện cho anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1972, ở thôn Y, xã Đ và anh Nguyễn Đăng D, sinh năm 1981, ở thôn Ph, xã Đông H, huyện Đ để hỏi xem có biết chỗ nào “cắm” được xe hay không. Lúc này, anh D cũng đang ở nhà anh T, nên anh T bảo anh D đến nhà anh H trước rồi anh T đến sau. Sau đó, anh D đến nhà anh H được một lúc thì anh T cũng đến. Tại

nhà anh H, H nhờ anh D “cắm” hộ chiếc xe mô tô BKS 37N1-2528 để lấy khoảng 3.000.000đồng đến 4.000.000đồng. Do xe không có giấy tờ, nên anh D nói không “cắm” được. Nghe vậy, H nói “không thì “cắm” với số tiền là 1.500.000 đồng cũng được”. Anh T biết chiếc xe mô tô đó là xe của anh Th và với mục đích là muốn giữ xe lại cho anh Th, nên anh T nói với H “nếu cắm với số tiền 1.500.000 đồng thì để tao cắm”. Nói xong, anh T bảo anh D điều khiển xe mô tô BKS 37N1-2528 đi theo anh T, còn anh T điều khiển xe mô tô của mình đi đến nhà ông Nguyễn Huy M, sinh năm 1962 ở xóm Cộng, xã Đông Tân, thành phố Thanh Hóa là thông gia với anh T. Khi đến nhà ông M, anh D đứng ở ngoài, còn anh T vào nhà ông M vay ông M số tiền 1.500.000 đồng, nhưng ông M không có tiền nên đã hỏi vay bà Nguyễn Thị T sinh năm 1968 là hàng xóm của ông M số tiền 1.500.000 đồng rồi đưa cho anh T. Sau đó, anh T gửi chiếc xe mô tô BKS 37N1-2528 lại nhà ông M rồi anh T chở anh D về nhà anh H. Khi về đến nhà anh H, anh T giao cho H số tiền là 1.500.000 đồng, khi giao tiền có sự chứng kiến của anh Hoàng và anh D. Sau đó, mọi người cùng ngồi chơi một lúc rồi đi về.

Ngày hôm sau, anh T điện cho anh M (vì biết anh M là bạn của anh Th) thông báo về việc H đã cắm xe của anh Th cho anh T với số tiền 1.500.000đồng để anh Th xuống lấy xe. Một thời gian sau, khi anh T và anh Th đang làm việc tại Hà Nội thì gặp anh Nguyễn Huy S là con trai ông Nguyễn Huy M là thông gia của anh T, do biết anh S làm nghề sửa xe nên anh Th nhờ anh S sửa xe cho mình, sau đó anh T và anh Th đưa xe về nhà anh T để. Đến ngày 21 tháng 6 năm 2020 thì Công an xã Đông Phú, huyện Đông Sơn đến nhà anh T để thu giữ chiếc xe mô tô BKS 37N1-2528.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã ra **Quyết định** Yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô BKS 37N1-2528 mà H đã mượn của anh Th. Theo bản kết luận định giá tài sản số 636/HĐĐG ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Sơn thì chiếc xe mô tô có giá trị là 4.000.000đồng.

Quá trình điều tra, Lê Văn H chỉ thừa nhận hành vi mượn chiếc xe mô tô BKS 37N1-2528 của anh Th để mang đi cắm, nhưng không thừa nhận hành vi phạm tội của mình là đã cắm chiếc xe của anh T để lấy số tiền 1.500.000đồng. H khai báo chỉ gửi chiếc xe cho anh T giữ hộ, nhằm mục đích làm cho anh Hồ Tiến M tưởng H đã cắm xe cho anh T để anh M đưa tiền cho H vì anh M đang nhờ H vay tiền hộ, nay chủ nợ đòi nhưng không có tiền trả nên dặn anh T: nếu anh M có hỏi thì nói là H đã cắm xe chỗ anh T và lấy 1.500.000đồng. Ngoài ra H còn khai báo: khi H không “cắm” được chiếc xe Mío của anh M thì anh M đã nói với H “về hỏi mượn xe của anh Th, nhưng đừng nói là cắm”.

Quá trình điều tra, anh Hồ Tiến M khai không vay nợ tiền của H. Do không tiền cho H vay nên anh M đã đồng ý cho H mượn chiếc xe Mi Ô để đi cấm. Khi H không cấm được chiếc xe Mi O đã gọi điện thông báo cho anh M là không cấm được và nói là: “Chỉ có xe mô tô Sirius của anh Th là cấm được” nên anh M nói với H “khó, nhưng anh về hỏi mượn xem”, ngoài ra anh M không nói gì thêm. Anh M không biết gì về mục đích lừa đảo của H tại thời điểm đó.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Đăng D, anh Nguyễn Đình T, anh Lê Quang H khai báo: vào một ngày khoảng cuối tháng tư đầu tháng 5 năm 2020, khi anh D, anh T và H đều có mặt tại nhà anh Hoàng thì H có nhờ anh T đi cấm xe để lấy số tiền 1.500.000đồng như diễn biến sự việc đã nêu ở trên.

Về bồi thường dân sự : Anh Lê Xuân Th đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Đối với số tiền 1.500.000 đồng mà anh Nguyễn Đình T đã nhận cấm xe cho H, quá trình điều tra xác định H đã trả lại số tiền cho anh T và anh T không có yêu cầu gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 37N1-2528, quá trình điều tra xác định là xe của chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1986 ở thành phố V, tỉnh N làm chủ sở hữu đã cho anh Lê Xuân Th mượn. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị H.

Đối với anh Hồ tiến M, quá trình điều tra xác định khi H có ý định mượn xe của anh Th mang đi “cấm” thì anh M không biết về mục đích lừa đảo của H, không tham gia thực hiện hành vi phạm tội, khi H mang xe của anh Th đi cấm thì anh M mới biết nhưng không tố giác tội phạm, xét trị giá tài sản bị thiệt hại là 4.000.000đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên chưa đủ cơ sở để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Đình T, tuy nhận cấm xe cho H, nhưng mục đích chỉ là giữ xe cho anh Th. Sau đó, anh T đã gọi điện để thông báo với anh M để anh M báo cho anh Th biết. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T.

Đối với anh Nguyễn Đăng D, khi được anh T nhờ điều khiển xe mô tô của anh Th đi theo anh T thì anh D không biết gì về nguồn gốc xe, không biết được hành vi phạm tội của H. Do vậy, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh D.

Đối với anh Lê Quang H, khi được H nhờ “cấm” xe và khi biết anh T nhận “cấm” xe cho H nhưng anh H không biết gì về nguồn gốc xe và hành vi phạm tội của H nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh H.

Tại bản cáo trạng số 01/CTr-KSĐT ngày 10/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Văn H về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 - BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H từ 09 đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường dân sự : Anh Lê Xuân Th đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Đối với số tiền 1.500.000 đồng mà anh Nguyễn Đình T đã nhận cầm xe cho H, quá trình điều tra xác định H đã trả lại số tiền cho anh T và anh T không có yêu cầu gì thêm.

- Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H : Người bào chữa vắng mặt tại phiên tòa nhưng cũng đã có quan điểm bào chữa đối với bị cáo. Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo H. Bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Gia đình bị cáo là thuộc hộ cận nghèo, kinh tế khó khăn, mẹ bị cáo bị rắn độc cắn đang phải điều trị . Nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đông Sơn, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn H đã khai nhận: Vào tối ngày 28 tháng 4 năm 2020, Lê Văn H đến nhà anh Hồ Tiến M ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá có lời nói gian dối để hỏi mượn chiếc xe mô tô BKS 37N1-2528 của anh Lê Xuân Th, sau đó mang đi cầm đồ lấy số tiền 1.500.000đồng để sử dụng cá nhân. Chiếc xe mô tô có giá trị là 4.000.000đồng.

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ

khác có trong hồ sơ vụ án ; Phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Do đó cáo trạng và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi của Lê Văn H đã phạm tội ‘’Lừa đảo chiếm đoạt tài sản’’theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không chịu lao động, rèn luyện bản thân nên Lê Văn H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng ngăn ngừa, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo :

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Nhân thân : Năm 2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội ‘’Cướp tài sản’’.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, bị hại cũng đã nhận lại được tài sản, **gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn mẹ bị cáo bị rắn độc cắn đang nằm viện điều trị** . Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt.

Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí : Bị cáo Lê Văn H thuộc hộ cận nghèo nhưng không có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 174 ; điểm s khoản 1 Điều 51 ; Điều 38 BLHS. Điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt: Lê Văn H 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Về bồi thường dân sự : Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

- Về quyền kháng cáo : Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo ; Bị hại

- Người bào chữa ;

- VKSND huyện Đông Sơn ;

- Công an huyện Đông Sơn ;

- Chi cục THA huyện Đông Sơn ;

- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hà

